TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DSST
Ngày 28/12/2018
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Nhiên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Văn Xuân
2. Ông Phan Văn Ký

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Loan -Thư ký toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dương– Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Trần Ngọc T, sinh năm 1976 và bà Đặng Thị U, sinh năm 1982; Cùng trú tại: Khu phố T, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Bà U có mặt, ông T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Vợ chồng bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1969 và ông Nguyễn Chí D, sinh năm 1967; Cùng trú tại: Khu phố T, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Bà T, ông D, vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Diễm Châu, sinh năm 1988; Trú tại: Khu phố T, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

∗Trong đơn khởi kiện ngày 10/10/2018 cũng như tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn vợ chồng ông Trần Ngọc T và bà Đặng Thị U thống nhất trình bày:

Do quen biết đồng thời là người cùng khu phố. Trong quá trình làm ăn sinh sống tại địa phương vợ chồng ông Nguyễn Chí D và bà Lê Thị Kim T kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ và mua bán nhiều mặt hàng có giá trị, nhưng lại thiếu vốn nên vào ngày 14/01/2018 âm lịch nhằm ngày 01/3/2018 dương lịch có mượn của vợ chồng ông T, bà U với số tiền 200.000.000 đồng (Có giấy mượn tiền) để kinh doanh nhà hàng, khách sạn cùng nhiều nguồn hàng tiêu dùng khác và hứa sẽ trả số tiền 200.000.000 đồng cho vợ chồng ông T, bà U khi vợ chồng ông, bà cần.

Vì do sự tin tưởng vợ chồng ông D, bà T có nhà hàng, khách sạn và đại lý các loại nước uống nên vợ chồng ông T, bà U đã cho vợ chồng ông D, bà T mượn. Nhưng ngay sau khi mượn thì vợ chồng ông, bà tuyên bố đã vỡ nợ, nên không trả tiền cho vợ chồng ông T, bà U làm ảnh hưởng nặng nề cho gia đình vợ chồng ông T, bà U lâm vào tình trạng mất vốn làm ăn.

Vợ chồng ông T, bà U đã liên tiếp đòi lại tiền nhưng vợ chồng ông Nguyễn Chí D và bà Lê Thị Kim T không trả, cố tình hẹn nợ để kéo dài thời gian và hứa sẽ bán nhà hàng, khách sạn để trả vợ chồng ông T, bà U. Nhưng vợ chồng ông D, bà T vẫn không trả nợ cho vợ chồng ông T, bà U như đã hứa.

Nay vợ chồng ông T, bà U yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Chí D phải trả lại cho vợ chồng ông T, bà U số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và số tiền lãi suất theo mức lãi suất là 1%/ tháng kể từ ngày vợ chồng bà U nộp đơn khởi kiện tại tòa án vào ngày 10/10/2018 cho đến khi xét xử ngày 28/12/2018, tính chẵn là 2,5 tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng với tổng số tiền lãi là 5.000.000 đồng.

∗Tại phiên tòa bị đơn vợ chồng bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Chí D vắng mặt không có lời trình bày tại phiên tòa, nhưng tại bản trình bày ngày 28/11/2018 bị đơn bà T, ông D trình bày:

Thời gian trước đây, vợ chồng ông D, bà T có kinh doanh Nhà hàng, khách sạn nhưng do thiếu vốn làm ăn nên vợ chồng ông D, bà T có vay tiền của vợ chồng ông Trần Ngọc T, sinh năm 1976 và bà Đặng Thị U, sinh năm 1982; Cùng trú tại: Khu phố T, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Nhưng do công việc kinh doanh của vợ chồng ông D, bà T, lãi suất quá cao nên việc làm ăn bị thua lỗ. Vợ chồng ông D, bà T đã bán hết tài sản để trả nợ nhưng không đủ, đến hôm nay vợ chồng ông D, bà T còn nợ vợ chồng ông T, bà U số tiền là: Nợ gốc 100.000.000 đồng cộng với nợ tiền lãi là 100.000.000 đồng. Vợ chồng ông D, bà T xin được trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng theo khả năng của vợ chồng ông D, bà T làm có được trong thời gian dài hạn, còn tiền lãi thì cho vợ chồng ông D, bà T xin vì không có khả năng chi trả.

∗Tại phiên tòa người làm chứng chị Nguyễn Thị Diễm Châu vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt không có lời trình bày tại phiên tòa, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2018 chị Châu trình bày:

Chị Châu thừa nhận có ký vào giấy ba mẹ chị Châu là ông Nguyễn Chí D, và bà Lê Thị Kim T mượn vợ chồng ông Trần Ngọc T và bà Đặng Thị U số tiền 200.000.000 đồng, nhưng chị Châu không biết gì về khoản nợ này. Khi viết giấy mượn tiền ba mẹ chị Châu là vợ chồng ông D ghi giấy nợ mượn tiền của vợ chồng ông T, bà U và khi giao tiền đều không có mặt chị Châu. Chị Châu không biết gì về khoản nợ này cũng như không biết về việc ba mẹ chị Châu có mượn tiền của ông T, bà U.

∗Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Toà án đã xác định đúng quan hệ, xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, đã tuân thủ mọi thủ tục tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên toà.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn vợ chồng ông Trần Ngọc T và bà Đặng Thị U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng*****:** Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Chí D và bà Lê Thị Kim T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Chí D và bà Lê Thị Kim T

[2] Về Thẩm quyền**:** Nguyên đơn vợ chồng ông Trần Ngọc T và bà Đặng Thị U yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Chí D, cùng có hộ khẩu thường trú tại: Khu phố T, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên phải trả số tiền còn nợ từ hợp đồng vay tài sản. Nguyên, bị đơn đều cư trú tại thị xã S, tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, là vụ án "*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

[3] Về nội dung: Vợ chồng ông Trần Ngọc T và bà Đặng Thị U căn cứ vào giấy mượn nợ vào ngày 14/01/2018 âm lịch với vợ chồng bà Lê Thị KimT và ông Nguyễn Chí D để yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà T, ông D trả số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng, số nợ này được vợ chồng bà T, ông D thừa nhận là có căn cứ, đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc vợ chồng ông Trần Ngọc T và bà Đặng Thị U yêu cầu bị đơn trả lãi suất với mức lãi suất 1%/ tháng là không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố, nên chấp nhận yêu cầu khoản tiền lãi suất của nguyên đơn. Tại phiên tòa bà U yêu cầu số tiền lãi suất theo mức lãi suất là 1%/tháng kể từ ngày vợ chồng bà U nộp đơn khởi kiện tại tòa án vào ngày 10/10/2018 cho đến khi xét xử ngày 28/12/2018, tính là 2,5 tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng với tổng số tiền lãi là 5.000.000 đồng là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận yêu cầu tính lãi suấtcủa nguyên đơn

Đối với yêu cầu của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Chí D và bà Lê Thị Kim T chỉ đồng ý trả cho vợ chồng bà U số tiền gốc 100.000.000 đồng nhưng xin không trả tiền lãi, không được nguyên đơn chấp nhận và không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là có căn cứ; Do đó HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[4] Về án phí: Nguyên đơn vợ chồng ông Trần Ngọc T và bà Đặng Thị U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn vợ chồng bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Chí D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 10.250.000 dồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn vợ chồng ông Trần Ngọc T và bà Đặng Thị U. Buộc vợ chồng bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Chí D phải thanh toán cho vợ chồng ông Trần Ngọc T và bà Đặng Thị U số tiền 205.000.000 đồng *(Hai trăm lẽ năm triệu đồng*); Trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* và tiền lãi phát sinh là 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)*

Về án phí:

Hoàn trả lại cho vợ chồng ông Trần Ngọc T và bà Đặng Thị U số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu số AA/2015/0006659 ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Buộc vợ chồng bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Chí D phải chịu số tiền 10.250.000 đồng (*Mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn bà Đặng Thị U có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng nguyên đơn ông Trần Ngọc T và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TX. Sông Cầu
- Chi cục THADS TX. Sông Cầu
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị An Nhiên